

Phụ lục II  
**THỐNG KÊ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH 8 TUẦN HỌC KỲ I**  
**NĂM HỌC 2023-2024**

<b>Cấp học</b>	<b>Số trường</b>	<b>Số lớp/ nhóm lớp</b>	<b>Số HS/trẻ</b>	<b>Số lớp/HS tăng/giảm so với cùng kỳ năm học 2022-2023</b>
<b>Mầm non</b>	<b>230</b>	3.970	<b>98.384</b>	<b>Tăng 04 nhóm, lớp</b>
- Nhà trẻ		940	15.217	Giảm 799 trẻ
- Mẫu giáo		3.030	83.167	Giảm 2.712 trẻ
- <i>Riêng 5 tuổi</i>		1.004	30.145	<i>Giảm 04 trẻ</i>
<b>Tiểu học</b>	<b>227</b>	<b>4.772</b>	<b>165.236</b>	<b>Giảm 67 lớp/ Giảm 5.366 HS</b>
- Lớp 1		968	33.671	Tăng 50 lớp/ Tăng 2.718 HS
- Lớp 2		909	30.511	Giảm 65 lớp/ Giảm 3.447 HS
- Lớp 3		969	33.810	Tăng 02 lớp/ Giảm 447 HS
- Lớp 4		975	34.114	Tăng 38 lớp/ Tăng 887 HS
- Lớp 5		951	33.130	Giảm 93 lớp/ Giảm 5.121 HS
<b>THCS</b>	<b>226</b>	<b>3.151</b>	<b>125.755</b>	<b>Tăng 119 lớp/ Tăng 7.664 HS</b>
- Lớp 6		912	38.233	Tăng 142 lớp/ Tăng 7.759 HS
- Lớp 7		761	30.339	Tăng 20 lớp/ Tăng 1.957 HS
- Lớp 8		735	28.091	Giảm 21 lớp/ Giảm 1.641 HS
- Lớp 9		743	29.092	Giảm 22 lớp/ Giảm 411 HS
<b>THPT</b>	<b>57</b>	<b>1.433</b>	<b>52.506</b>	<b>Tăng 41 lớp/ Tăng 2.403 HS</b>
- Lớp 10		496	18.203	Tăng 24 lớp/ Giảm 37 HS
- Lớp 11		472	18.111	Tăng 7 lớp/ Tăng 1.797 HS
- Lớp 12		465	16.192	Tăng 10 lớp/ Tăng 643 HS
<b>GDTX</b>	<b>12</b>	<b>252</b>	<b>10.714</b>	<b>Tăng 15 lớp/ Tăng 1.011 học viên</b>
- Lớp 10		95	4.468	Tăng 6 lớp/ Tăng 606 học viên
- Lớp 11		83	3.261	Duy trì số lớp/ Tăng 34 học viên
- Lớp 12		74	2.985	Tăng 09 lớp/ Tăng 371 học viên